TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 267/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2024/QĐH-HNGĐ ngày 18/7/2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương
Người được anh P ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án : Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Nơi ở hiện nay: Số I N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1988
Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay : Đài Loan.

(Anh P, bà T có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; chị L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn anh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2005 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chị L bỏ về nhà ngoại sinh sống từ thời điểm đó. Đến năm 2017, chị L đi lao động tại Đài Loan. Từ khi chị L bỏ về nhà ngoại sống,

anh trực tiếp nuôi con, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm hỏi han nhau, thi thoảng chị L gọi điện về chỉ để chuyện trò cùng con. Đến nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là: Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2006 và Phạm Văn D, sinh ngày 18/8/2009. Từ thời điểm vợ chồng ly thân năm 2014 đến nay, hai con đều do anh P chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh đề nghị Toà án giao hai con cho anh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh P tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn anh P không cung cấp được địa chỉ của chị L tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị L do chị Nguyễn Thị M là chị gái, cung cấp nội dung: Chị M xác định hiện bố mẹ đẻ của chị và chị L đã chết, chị L thường xuyên điện thoại về để chị em nói chuyện, về điều kiện kết hôn giữa anh P và chị L như anh P trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị L và anh P sống cùng gia đình, vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014, không biết giữa vợ chồng có mâu thuẫn gì nhưng chị L bỏ về nhà ngoại sống, hai con do anh P nuôi, thi thoảng chị L có đón cháu sang ngoại chơi. Đến năm 2017, chị L đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi Đài Loan đến nay chị L chưa về thăm gia đình. Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy bảo của Tòa án về phiên hòa giải, phiên tòa, chị đã thông báo cho chị L được biết, hiện chị L không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, chị L không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh P và chị L có 02 con chung là: Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2006 và Phạm Văn D, sinh ngày 18/8/2009. Từ thời điểm vợ chồng ly thân năm 2014 đến nay, hai con đều do anh P chăm sóc và nuôi dưỡng, chị L ở Đài Loan nên cũng không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc hai con. Anh P có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, chị L nhất trí.

Về tài sản, công nợ chung: Anh P và chị L không yêu cầu giải quyết.

- Cháu Phạm Ngọc A và Phạm Văn D là con chung của anh P và chị L có quan điểm được ở với bố Phạm Văn P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh P và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh P được ly hôn chị L. Về con chung, giao con Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2006 và Phạm Văn D, sinh ngày 18/8/2009 cho anh Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng

anh P. Anh P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ; hiện chị L đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh P không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia chị L đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị L tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị M là chị gái của chị L để chị M thông tin lại cho chị L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh P và chị L đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh P và người đại diện theo ủy quyền là bà T vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2005 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L bỏ về nhà đẻ sống, năm 2017 chị L đi lao động tại Đài Loan đến nay chưa về; từ năm 2014 vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chia sẻ nên không tìm được tiếng nói chung. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh P có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình, chị L xác định vợ chồng ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh P. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

- Về con chung: Anh P và chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2006 và Phạm Văn D, sinh ngày 18/8/2009. Từ thời điểm vợ chồng ly thân năm 2014 đến nay, hai con đều do anh P chăm sóc và nuôi dưỡng, chị L hiện đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con. Xét thấy thực tế, cháu Ngọc A và cháu D sinh sống cùng bố từ nhỏ, hai cháu được chăm sóc phát triển tốt và có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cũng như ổn định học tập, chỗ ở của cháu Ngọc A và cháu D cần tiếp tục giao hai cháu cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4].Về án phí: Anh Phạm Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 08/11/2006 và Phạm Văn D, sinh ngày 18/8/2009 cho anh Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh P tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000712 ngày 21/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nguyễn Thị L, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến